

Kon Rẫy, ngày 06 tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019, (chuyển thụ lý số 04/2020/ TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020) giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;

- Bị đơn: Anh Đặng Văn A, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/3/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và A giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đặng Văn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đặng Văn A thuận tình ly hôn.

2.2/Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đặng Văn A có 02 con chung là cháu Đặng Thị N, sinh ngày 18/3/2009 và cháu Đặng Thanh P, sinh ngày 07/4/2005. Chị H và anh A thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Chị Phạm Thị H nuôi con Đặng Thị N, sinh ngày 18/3/2009.

Anh Đặng Văn A nuôi con Đặng Thanh P, sinh ngày 07/4/2005.

Chị Phạm Thị H và anh Đặng Văn A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

2.3/ Về tài sản chung:

- Anh Đặng Văn A được quản lý, sử dụng các tài sản sau:

Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 459147, thửa đất số 42, Tờ bản đồ số 74, diện tích 977 m² đứng tên anh Đặng Văn A (Địa chỉ đất tại thôn 12, xã Đ, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum), trị giá khoảng: 35.000.000 đồng và toàn bộ tài sản, công trình trên đất gồm: Nhà ở: 61.662.591 đồng; nhà bếp: 32.073.716 đồng; mái hiên và sân bê tông: 5.920.668 đồng; chuồng nuôi gia súc: 13.429.389 đồng; nhà vệ sinh: 52.831.078 đồng .

Tổng trị giá đất và tài sản theo biên bản định giá là: 200.917.442 đồng (*hai trăm triệu, chín trăm mười bảy ngàn, bốn trăm bốn mươi hai đồng*).

Anh Đặng Văn A phải thanh toán cho chị Phạm Thị H số tiền mặt là: 10.750.000 đồng (*Mười triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*), thời gian thanh toán vào ngày 01/9/2020.

- Chị Phạm Thị H được quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

+ Xe máy nhãn hiệu Hon da Wave alpha BKS: 82B - 727.57, số máy: JA 39E0915220, số khung: 3916KY059184, màu sơn: Xanh đen bạc; giấy đăng ký đứng tên anh Đặng Văn A trị giá 13.000.000 đồng;

+ 01 (một) bồn inox, nhãn hiệu Tân Nguyên trị giá: 6.000.000 đồng;

+ 01 (một) tủ lạnh hiệu Sam sung, trị giá 4.000.000đồng.

Tổng tài sản trị giá: 23.000.000 đồng (*hai mươi ba triệu đồng*)

+ Tiền mặt là: 10.750.000 đồng (*Mười triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*) do anh Đặng Văn A thanh toán, thời gian thanh toán vào ngày 01/9/2020.

Kể từ thời điểm thanh toán theo thỏa thuận của các bên và bên được thi hành án có yêu cầu cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Đặng Văn A chưa thanh toán khoản tiền nêu trên cho chị Phạm Thị H thì anh A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/ năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về các khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Chị Phạm Thị H chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Phạm Thị H và anh Đặng Văn A, mỗi người chịu 50 % tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Chị Phạm Thị H chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và tiền án phí dân sự có giá ngạch là 2.798.968 đồng , tổng cộng là 2.948.968 đồng (*hai triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm sáu mươi tám đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/001576 ngày 05/12/2019 và 2.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/001595 ngày 27/02/2020. Chị Phạm Thị H còn phải nộp tiếp 398.968 đồng (*ba trăm chín mươi tám ngàn, chín trăm sáu mươi tám đồng*).

Anh Đặng Văn A chịu tiền án phí sơ thẩm là: 2.798.968 đồng (*hai triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn, chín trăm sáu mươi tám đồng*).

Chị Phạm Thị H chịu toàn bộ tiền xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Chị H đã nộp đủ số tiền này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Kon Rẫy.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy.
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Kon Tum.
- UBND xã Đắk Tô Re;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Loan